

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày 06/11/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh
2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “trông chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Công H, sinh năm 1954

Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1970

Đều cư trú: thôn N, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Công H trình bày:

Ngày 29/01/2015, ông cho vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Thạch Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay ông T viết giấy nhận nợ ngày 29/01/2015, lãi thỏa thuận là 1%/tháng kể từ ngày vay. Về thời hạn trả tiền thì khi nào đòi sẽ báo trước 10 ngày cho bên vay. Sau khi vay tiền, vợ chồng ông T đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc (ngày 17/12/2017 trả 50.000.000

đồng, ngày 02/8/2018 trả 50.000.000 đồng). Về tiền lãi, vợ chồng ông T trả cho ông được 2 năm tiền lãi, số tiền cụ thể thì ông không nhớ.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả số tiền gốc còn lại là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2019 theo mức 1%/tháng là 72.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 272.000.000 đồng. Ông xác định đây là khoản tiền riêng của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957 đã chết năm 2014, trước khi ông cho vợ chồng ông T vay tiền.

- *Tại bản tự khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:*

Ngày 29/01/2015, vợ chồng ông vay của ông Phạm Công H số tiền 300.000.000đồng, mục đích vay tiền là vay giúp anh trai của ông, lãi suất 1%/tháng. Sau khi vay, ông đã trả được 100.000.000đồng tiền gốc, còn tiền lãi đã trả đến năm 2017. Ông là người ký nhận vào giấy biên nhận vay tiền với ông H nên ông sẽ có trách nhiệm trả tiền cho ông H nhưng do kinh tế gia đình gặp khó khăn đề nghị được trả dần. Hiện nay mỗi tháng ông làm thuê thu nhập được 9.000.000đồng, ông sẽ trả ông H mỗi tháng 5.000.000đồng. Tại phiên toà, ông T vắng mặt.

- *Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thạch Thị H trình bày:*

Ngày 29/01/2015, vợ chồng bà vay của ông Phạm Công H số tiền 300.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, mục đích vay tiền để làm ăn kinh tế, thời hạn vay tiền không xác định mà chỉ thoả thuận khi nào ông H cần đòi tiền thì báo trước cho vợ chồng bà 10 ngày. Hai bên lập giấy biên nhận vay tiền do ông T trực tiếp viết. Ngày 17/12/2017 vợ chồng bà đã trả ông H 50.000.000đồng và ngày 02/8/2018 trả thêm 50.000.000đồng nữa đều trả vào tiền gốc. Về tiền lãi, vợ chồng bà đã trả được 02 năm 2015 và 2016. Nay ông H yêu cầu vợ chồng bà phải trả 200.000.000đồng tiền gốc và 72.000.000đồng tiền lãi thì bà đồng ý trả nhưng do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà đề nghị được trả dần.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông H khởi kiện ông T có nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền đã cho vay. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã ghi tư cách tham gia tố tụng của bà H là bị đơn là nhầm lẫn. Nay HĐXX xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà H trong vụ án này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn: Theo sự thừa nhận của tất cả các đương sự, phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 29/01/2015. HĐXX xác định: Ngày 29/01/2015, vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Thạch Thị H vay của ông Phạm Công H số tiền 300.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay tiền không xác định mà chỉ thoả thuận khi nào ông H cần đòi tiền thì báo trước cho vợ chồng ông T 10 ngày. Hai bên lập giấy biên nhận vay tiền do ông T và bà H ký nhận dưới phần người vay tiền. Ngày 17/12/2017 vợ chồng ông T đã trả ông H 50.000.000đồng và ngày 02/8/2018 trả thêm 50.000.000đồng đều trả vào tiền gốc. Về tiền lãi, vợ chồng ông T đã trả hết lãi các năm 2015 và 2016. Sau đó, mặc dù ông H đã đòi nhiều lần nhưng do vợ chồng ông T gặp hoàn cảnh khó khăn nên không trả thêm được khoản nào nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông T phải trả số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi còn nợ là có căn cứ. HĐXX chấp nhận yêu cầu đòi tiền của ông H.

Về tiền lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận, vợ chồng ông T đã trả lãi đến hết năm 2016 với lãi suất thoả thuận khi cho vay là 1%/tháng tương đương 12%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, mức lãi suất này không vượt quá 150% (18%/năm) mức lãi suất cơ bản (9%/năm) do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm hai bên thoả thuận (29/01/2015). Nay, ông H yêu cầu vợ chồng ông T tiếp tục phải trả lãi theo theo mức lãi suất thoả thuận 1%/tháng từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2019 (cụ thể là đến ngày khởi kiện 02/8/2019) với số tiền 72.000.000đồng. Số tiền ông H yêu cầu thấp hơn số tiền lãi lẽ ra vợ chồng ông T phải trả theo mức lãi suất thoả thuận 1%/tháng trên số tiền 300.000.000đồng từ 10/01/2017-17/12/2017, 250.000.000đồng từ 18/12/2017-02/8/2018, 200.000.000đồng từ 03/8/2018-02/8/2019 tổng cộng là 77.295.000đồng. Việc ông H chỉ yêu cầu trả 72.000.000đồng là sự tự nguyện, ông T bà H cũng đồng ý trả số tiền này nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông T bà H phải trả 72.000.000đồng tiền lãi cho ông H.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông T bà H cùng vay tiền của ông H. Trước khi ông H cho vợ chồng ông T vay tiền thì vợ ông là bà Nguyễn Thị D đã chết. HĐXX buộc ông T bà H phải liên đới trả cho ông H số tiền cả gốc và lãi là 272.000.000đồng.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông T bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $272.000.000\text{đồng} \times 5\% = 13.600.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471; khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công H đối với ông Đỗ Văn T.

Buộc ông Đỗ Văn T và bà Thạch Thị H phải liên đới trả cho ông Phạm Công H số tiền gốc là 200.000.000đồng, tiền lãi là 72.000.000đồng. Tổng cộng là 272.000.000đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: ông Đỗ Văn T và bà Thạch Thị H phải chịu 13.600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng

Về tiền lãi: Tuy trong 03 giấy biên nhận có giấy ghi mức lãi suất, có giấy không ghi nhưng hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận về tính lãi, theo bà Hồng là 1,5%/tháng tức 500 đồng/triệu/ngày, theo bà Bắc là 2.500đồng/triệu/ngày nên yêu cầu tính lãi của bà Hồng là có căn cứ. Do số tiền 100.000.000 đồng bà Bắc trả vào ngày 23/10/2014 được tính vào trả gốc và không xác định được số tiền này trả cho lần vay nào nên bà Hồng yêu cầu tính lãi 03 lần vay cả trong hạn và quá hạn đều theo theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm hiện nay là 9%/năm tức 0,75%/tháng từ khi vay đến khi xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 1, 5 Điều 474; Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể như sau:

- Lần vay 50.000.000đồng: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 375.000\text{đồng/tháng} = 12.500/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 09/6/2012 đến 07/01/2016 là: $375.000\text{đồng} \times 41 \text{ tháng} + 12.500 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} = 15.725.000 \text{ đồng}$.

- Lần vay 60.000.000đồng: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 450.000\text{đồng/tháng} = 15.000/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 24/9/2013 đến 07/01/2016 là: $450.000\text{đồng} \times 27 \text{ tháng} + 15.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ ngày} = 12.405.000 \text{ đồng}$.

- Lần vay 300.000.000đồng: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 2.250.000\text{đồng/tháng} = 75.000/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 03/7/2012 đến 07/01/2016 là: $2.250.000\text{đồng} \times 40 \text{ tháng} + 75.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày} = 90.300.000 \text{ đồng}$.